

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2025/HS-ST**

Ngày: 07-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Hoàng Ái Thuỵ và bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Thanh H; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ, sinh ngày 12/02/1978. Nơi sinh: Tại tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn E, xã V, huyện P, thành phố H nay là Thôn E, xã V, thành phố H; Căn cước công dân số: 046178014364, cấp ngày: 10/8/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH, Bộ C4; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 03/12; con ông Trần Xuân K (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1940; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có chồng là Nguyễn Văn D, sinh năm 1969; có 01 con sinh năm 1998.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học đến lớp 03/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp bố mẹ. Năm 2002, lập gia đình và sinh sống tại: Thôn E, xã V, thành phố H.

Ngày 02/3/2019, bị Công an huyện P ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 350.000 đồng (Quyết định số 2988). Bị cáo đã nộp đủ tiền phạt.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T1; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; sinh ngày 10/8/1970. Nơi sinh: Tại thành phố H. Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện P, thành phố H nay là Thôn C, xã V, thành phố H; Căn cước công dân số: 046070000889, cấp ngày: 11/6/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH, Bộ C4; Quốc tịch: Việt

Nam; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 02/12; con ông Nguyễn K1 (đã chết) và bà Đoàn Thị S (đã chết); gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; có vợ là Trương Thị T2, sinh năm 1975; có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2011.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học đến lớp 02/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp bố mẹ. Lập gia đình và sinh sống tại: Thôn C, xã V, thành phố H.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Âu Thanh D1; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam, sinh ngày 01/01/1957. Nơi sinh: Tại thành phố H. Nơi cư trú: Thôn D, xã V, huyện P, thành phố H nay là Thôn D, xã V, thành phố H; Căn cước công dân số: 046057006917, cấp ngày: 11/8/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH, Bộ C4; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 06/12; con ông Âu Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thùy D2, sinh năm 1959; có 02 con, con lớn sinh năm 1994 và con nhỏ sinh năm 1996.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học đến lớp 06/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp bố mẹ. Lập gia đình và sinh sống tại: Thôn D, xã V, thành phố H.

Ngày 10/12/1985, bị Công an tỉnh T (nay là tỉnh Lâm Đồng) ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Chiếm giữ tài sản trái phép của công dân”. Ngày 15/8/1986, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thuận Hải ra quyết định miễn tố đối với Âu Thanh D1.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị N; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ, sinh ngày 28/3/2000. Nơi sinh: Tại thành phố H. Nơi cư trú: Thôn E, xã V, huyện P, thành phố H nay là Thôn E, xã V, thành phố H; Căn cước công dân số: 046300000248, cấp ngày: 03/4/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH, Bộ C4; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; con ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1965 và bà Trần Thị L, sinh năm 1969; gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là thứ hai trong gia đình; có chồng là Nguyễn Anh T3, sinh năm 1998; có 03 con, con lớn sinh năm 2019 và con nhỏ sinh năm 2022.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học đến lớp 09/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp bố mẹ. Lập gia đình và sinh sống tại: Thôn E, xã V, thành phố H.

Ngày 27/02/2025, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái

phép chất ma túy”. Mức phạt 1.500.000 đồng (Quyết định số 48/QĐXPHC). Bị cáo đã nộp số tiền phạt trên.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn C; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam, sinh ngày 01/01/1964. Nơi sinh: Tại thành phố H. Nơi cư trú: Thôn E, xã V, huyện P, thành phố H nay là Thôn E, xã V, thành phố H; Căn cước công dân số: 046064000717, cấp ngày: 11/4/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH, Bộ C4; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; con ông Nguyễn K2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L1 (đã chết); gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là thứ tư trong gia đình; có vợ là Trần Thị S1, sinh năm 1962; có 02 con, con lớn sinh năm 1984 và con nhỏ sinh năm 1990.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học đến lớp 11/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp bố mẹ. Lập gia đình và sinh sống tại: Thôn E, xã V, thành phố H.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

6. Võ Đức T4; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam, sinh ngày 20/12/1965. Nơi sinh: Tại thành phố H. Nơi cư trú: G, xã G, huyện P, thành phố H nay là Giang Ché, xã V, thành phố H; Căn cước công dân số: 046065001779, cấp ngày: 22/4/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH, Bộ C4; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Võ N1 (đã chết) và bà Đặng Thị Đ1 (đã chết); gia đình có 08 anh chị em ruột, bị cáo là thứ 6 trong gia đình; có vợ là Trần Thị H2, sinh năm 1965; có 02 con, con lớn sinh năm 1988 và con nhỏ sinh năm 1991.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống cùng gia đình, học đến lớp 12/12 thì nghỉ học, làm nghề lái xe. Lập gia đình và sinh sống tại: Thôn G, xã V, thành phố H.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn E, xã V, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Ông Lê C1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn E, xã V, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/01/2025, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Chí Đ2 đến nhà của Trần Thị Thanh H ở thôn E, xã V, huyện P, thành phố

H (nay là xã V, thành phố H) để chơi. Tại nhà của H đã có sẵn bộ bài T5 lơ khơ nên cả nhóm rủ nhau cùng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “T6 lên”. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, thì Nguyễn Chí B việc gia đình nên đi về trước. Lúc này, Nguyễn Thị N (là con dâu của H) vào đánh bạc thay vị trí của C. Một lúc sau, do N bận việc nên đã nhờ Võ Đức T4 đánh bạc giúp, thì T4 đồng ý. N để lại tiền của mình tại vị trí đánh bạc, T4 bắt và đánh bài giúp N khoảng một đến hai ván thì N quay trở lại lấy bài từ T để tiếp tục đánh bạc cùng với những người trên. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an xã V, huyện P, thành phố H (nay là Công an xã V, thành phố H) phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 4.770.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) cùng các dụng cụ để đánh bạc; thu giữ trên người của Nguyễn Văn T1 số tiền 1.826.000 đồng (*Một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Ngày 24/01/2025, Nguyễn C đến Công an xã V, huyện P, thành phố H (nay là Công an xã V, thành phố H) làm việc, khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình và giao nộp số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*), là tiền C dùng để đánh bạc để phục vụ công tác điều tra.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức đánh bài “Tiến lên” được các bị cáo thống nhất quy định như sau: Dùng bộ bài T5 lơ khơ 52 lá chia đều cho 4 người, mỗi người được chia 13 lá. Ở ván bài đầu tiên, người chia bài có thể sẽ là người đánh bài đầu tiên hoặc người có lá bài nhỏ nhất. Ở những ván tiếp theo, người đánh bài đầu tiên là người đã thắng ván trước đó. Khi lá bài được đánh ra, lần lượt người thứ hai (đánh bài theo chiều tay phải) và những người tiếp theo có thể chặn hoặc không. Ván bài sẽ kết thúc nếu như có 1 người chơi giành được chiến thắng. Các lá bài trên tay cần được sắp xếp theo nguyên tắc sau: “Rác” là những lá bài rời rạc không thể kết hợp được, “Đôi” là hai lá bài giống nhau, “Xám” là giá trị của ba lá bài giống nhau, “Tứ quý” là bốn lá bài có giá trị như nhau, “Ba đôi thông” là có ba đôi liên tiếp nhau tạo thành, “Bốn đôi thông” là có bốn đôi liên tiếp nhau tạo thành “Sảnh” là những lá bài có giá trị liên tiếp và cùng chất.

Các bị cáo quy ước tiền thắng thua như sau: Người về nhất thắng người về cuối 20.000 đồng, người về nhì thắng người về ba 10.000 đồng. Ngoài ra, người có bài đồng chất, “06 đôi”, “bốn quân 2”, thì những người còn lại phải thua mỗi người 30.000 đồng. Người bị chặt heo đen thua 10.000 đồng, người bị chặt heo đỏ thua 20.000 đồng.

Quá trình đánh bạc và số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh bạc được xác định cụ thể như sau:

- Trần Thị Thanh H mang theo số tiền 2.030.000 đồng (*Hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) để đánh bạc. Hoa tham gia đánh bạc nhiều ván từ lúc bắt đầu đến khi bị bắt quả tang. Lúc cơ quan Công an bắt quả tang, H đánh thua 800.000 đồng. Số tiền còn lại H để trên chiếu bạc và đã bị thu giữ.

- Nguyễn Văn T1 mang theo số tiền 526.000 đồng (*Năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) để đánh bạc. T1 đánh được khoảng 7 đến 8 ván thì thua 200.000 đồng. Sau đó, do sợ thua hết tiền nên T1 đã mượn của Nguyễn Thị N số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) để tiếp tục đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang. Lúc cơ quan Công an bắt quả tang, T1 đánh thắng 1.940.000 đồng; số tiền này,

T1 để trên chiếu bạc và đã bị thu giữ. Ngoài ra, Công an còn thu giữ trên người của T1 số tiền 1.826.000 đồng (*Một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) là tiền T1 sử dụng để đánh bạc.

- Âu Thanh D1 mang theo số tiền 1.640.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) để đánh bạc. D1 tham gia đánh nhiều ván từ lúc bắt đầu đến khi bị bắt quả tang. Lúc cơ quan Công an bắt quả tang, D1 đánh thua 620.000 đồng. Số tiền còn lại D1 để trên chiếu bạc và đã bị thu giữ.

- Nguyễn Chí mang theo số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) để đánh bạc. Chí tham gia đánh nhiều ván cùng với H, D1 và T1 cho đến khi bận việc gia đình rồi đi về trước. Tại thời điểm tham gia đánh bạc, C đánh thua 100.000 đồng, số tiền dùng để đánh bạc 400.000 đồng còn lại C đã giao nộp cho cơ quan Công an.

- Nguyễn Thị N mang theo số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) để đánh bạc. Nhưng tham gia đánh bạc thay vị trí của Nguyễn Chí. N đánh được một lúc thì nhờ Võ Đức T4 vào đánh bạc giúp khoảng 01 đến 02 ván. Sau đó, N quay lại tiếp tục đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang. Lúc cơ quan Công an bắt quả tang, N đánh thua 420.000 đồng. Số tiền còn lại N để trên chiếu bạc và đã bị thu giữ.

- Võ Đức T4 có mặt tại nhà H từ trước đó, T4 tham gia đánh bạc giúp cho N khoảng 01 đến 02 ván. Sau khi N trở lại thì T4 giao bài lại cho N.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định số tiền thu trực tiếp tại chiếu bạc là: 4.770.000 đồng; số tiền thu giữ của Nguyễn Văn T1 là: 1.826.000 đồng và thu giữ của Nguyễn Chí L2: 400.000 đồng có căn cứ chứng minh là tiền các bị cáo đã và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc mà Trần Thị Thanh H, Âu Thanh D1, Nguyễn Văn T1 phải chịu trách nhiệm hình sự là: 4.770.000 đồng + 1.826.000 đồng + 400.000 đồng = **6.996.000 đồng** (*Sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Tổng số tiền đánh bạc mà Nguyễn Thị N, Võ Đức T4 phải chịu trách nhiệm hình sự là: 4.770.000 đồng + 1.826.000 đồng = **6.596.000 đồng** (*Sáu triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Tổng số tiền đánh bạc mà Nguyễn Chí P chịu trách nhiệm hình sự là: = **6.496.000 đồng** (*Sáu triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

* *Vật chứng thu giữ gồm:*

+ 140 (Một trăm bốn mươi) lá bài T5 lơ khơ.

+ 01 (một) cái chắn vải.

+ Tiền Ngân hàng N2 phát hành, số tiền 6.996.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSKV4 ngày 15 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Huế, thành phố H truy tố các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C và Võ Đức T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Huế giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C và Võ Đức T4 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H từ 14 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Âu Thanh D1 từ 12 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T7 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, p, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Đức T4 số tiền 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 140 (Một trăm bốn mươi) lá bài T5 lơ khơ.

+ 01 (một) cái chăn vải.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc (Tiền Ngân hàng N2 phát hành), số tiền 6.996.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc N khu vực XIII-Phòng Nghiệp vụ 2 (Theo giấy nộp tiền ngày 16/7/2025).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Miễn án phí cho bị cáo Âu Thanh D1 và bị cáo Nguyễn Chí V là người cao tuổi, miễn án phí cho bị cáo Võ Đức T4 vì là người khuyết tật nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra và bản cáo trạng nên các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C và Võ Đức T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 09/01/2025, tại thôn E, xã V, huyện P, thành phố H (nay là thôn E, xã V, thành phố H); Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C, Võ Đức T4 đã cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “T6 lên”, thì bị Công an xã V, huyện P, thành phố H nay là xã V, thành phố H phát hiện, bắt quả tang.

Tang số đánh bạc mà Trần Thị Thanh H, Âu Thanh D1, Nguyễn Văn T1 phải chịu trách nhiệm hình sự là **6.996.000** đồng (*Sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Tang số đánh bạc mà Nguyễn Thị N, Võ Đức T4 phải chịu trách nhiệm hình sự là **6.596.000** đồng (*Sáu triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Tang số đánh bạc mà Nguyễn Chí P chịu trách nhiệm hình sự là **6.496.000** đồng (*Sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Huế, thành phố H truy tố các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C, Võ Đức T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C, Võ Đức T4 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn thu lợi bất chính, các bị cáo đã phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, trật tự tại địa phương. Vì vậy cần xử phạt bị cáo với mức phạt thích đáng, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, quy mô nhỏ, các bị cáo không có sự chuẩn bị, phân công từ trước mà tham gia đánh bạc

cùng lúc nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Bị cáo Trần Thị Thanh H là người sử dụng địa điểm nhà của mình, chuẩn bị công cụ, phương tiện cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép nên giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C, Võ Đức T4 đóng vai trò đều là người thực thực hành, nhưng bị cáo Võ Đức T4 chỉ tham gia đánh giúp cho bị cáo N khoảng 01 đến 02 ván sau đó giao lại bài cho N nên được xem xét, đánh giá bị cáo phải chịu hình phạt thấp hơn các bị cáo khác; các bị cáo Trần Thị Thanh H, Âu Thanh D1 và Nguyễn Thị N đều không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[4] Xét về nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C, Võ Đức T4 không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo Trần Thị Thanh H đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Âu Thanh D1 đã từng bị khởi tố hình sự về tội “Chiếm giữ tài sản trái phép của công dân”; bị cáo Nguyễn Thị N đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tính tiết tăng nặng: Các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C, Võ Đức T4 không phạm vào tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, N, Võ Đức T4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng các tình tiết này được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Võ Đức T4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 51 là người khuyết tật nặng.

Đối với bị cáo Trần Thị Thanh H, ngày 02/3/2019, bị Công an huyện P ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 350.000 đồng (Quyết định số 2988, bị cáo đã nộp phạt). Bị cáo Âu Thanh D1 có nhân thân xấu, ngày 10/12/1985, bị Công an tỉnh T (nay là tỉnh Lâm Đồng) ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội chặn “Chiếm giữ tài sản trái phép của công dân”. Ngày 15/8/1986, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thuận Hải ra quyết định miễn tố đối với Âu Thanh D1. Do đó, Hội đồng xét xử có lưu ý khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Thanh H và bị cáo Âu Thanh D1.

Sau khi xem xét nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn C, Võ Đức T4 chấp hành hình phạt tù mà xử phạt các bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục và phạt tiền để các bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành công dân tốt.

Riêng bị cáo Nguyễn Thị N tham gia đánh bạc sau các bị cáo khác, nhưng khi bị bắt quả tang về tội đánh bạc vào ngày 09/01/2025 thì đến ngày 27/02/2025

bị cáo Nguyễn Thị N lại tiếp tục vi phạm pháp luật và bị Công an thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Mức phạt 1.500.000 đồng (Quyết định số 48/QĐXPHC). Qua đó cho thấy bị cáo N sống buông thả, bất chấp pháp luật. Tuy nhiên, hiện tại bị cáo N là lao động chính trong gia đình có 03 con nhỏ, chồng của bị cáo N là Nguyễn Anh T3 đã bị bắt tạm giam và bị khởi tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, mẹ chồng của bị cáo N là bị cáo Trần Thị Thanh H cũng bị truy tố trong vụ án đánh bạc với bị cáo. Xét hoàn cảnh hiện tại của bị cáo N, thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Tạo điều kiện cho bị cáo được giáo dục, cải tạo tại địa phương để nuôi con nhỏ là phù hợp.

Các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn C, Võ Đức T4 là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho các bị cáo.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Huế, thành phố H đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 140 (Một trăm bốn mươi) lá bài T5 lơ khơ.

+ 01 (một) cái chăn vải.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc (Tiền Ngân hàng N2 phát hành), số tiền 6.996.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc N khu vực XIII-Phòng Nghiệp vụ 2 (Theo giấy nộp tiền ngày 16/7/2025).

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo Âu Thanh D1 và bị cáo Nguyễn Chí V là người cao tuổi. Miễn án phí cho bị cáo Võ Đức T4 là người khuyết tật nặng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh H 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Thị Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố H và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo số tiền 14.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố H và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo số tiền 12.000.000 đồng.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Âu Thanh D1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Âu Thanh D1 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Âu Thanh D1 cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố H và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo số tiền 13.000.000 đồng.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố H và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo số tiền 12.000.000 đồng.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí phạm T8 “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí 0 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Chí C2 Ủy ban nhân dân xã V, thành phố H và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Đức T4 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Đức T4 10.000.000 đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho các bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Âu Thanh D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Chí .

7. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 140 (Một trăm bốn mươi) lá bài T5 lơ khơ.

+ 01 (một) cái chăn vải.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc (Tiền Ngân hàng N2 phát hành), số tiền 6.996.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc N khu vực XIII-Phòng Nghiệp vụ 2 (Theo giấy nộp tiền ngày 16/7/2025).

8. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị N, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo Âu Thanh D1, bị cáo Nguyễn C, bị cáo Võ Đức T4.

9. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 4 - Huế;
- CQ CSĐT thành phố Huế;
- THADS TP Huế;
- Công an xã Vinh Lộc;
- UBND xã Vinh Lộc;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

